




## PHỤ LỤC 05: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

SỐ TT	ĐỊA BÀN	GIÁ ĐẤT								
		Khu vực 1			Khu vực 2			Khu vực 3		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	CHI LĂNG	5.700	4.600	3.500	4.400	3.600	2.700	3.500	2.800	2.100
2	PHÙ LĂNG	5.200	4.200	3.200	4.200	3.400	2.600	3.300	2.700	2.000
3	YÊN PHONG	6.200	5.000	3.800	5.000	4.000	3.000	4.000	3.200	2.400
4	VĂN MÔN	5.700	4.600	3.500	4.600	3.700	2.800	3.700	3.000	2.300
5	TAM GIANG	4.800	3.900	2.900	3.900	3.200	2.400	2.800	2.300	1.700
6	YÊN TRUNG	6.200	5.000	3.800	5.000	4.000	3.000	4.000	3.200	2.400
7	TAM ĐÀ	6.200	5.000	3.800	5.000	4.000	3.000	4.000	3.200	2.400
8	TIỀN DU	5.800	4.700	3.500	4.800	3.900	2.900	3.900	3.200	2.400
9	LIÊN BẢO	5.800	4.700	3.500	4.800	3.900	2.900	3.900	3.200	2.400
10	TÂN CHI	5.800	4.700	3.500	4.200	3.400	2.600	3.400	2.800	2.100
11	ĐẠI ĐỒNG	5.800	4.700	3.500	4.800	3.900	2.900	3.900	3.200	2.400
12	PHẬT TÍCH	5.800	4.700	3.500	4.800	3.900	2.900	3.900	3.200	2.400
13	NHÂN THẮNG	9.500	7.600	5.700	7.700	6.200	4.700	5.900	4.800	3.600
14	ĐẠI LAI	6.300	5.100	3.800	5.100	4.100	3.100	3.900	3.200	2.400
15	CAO ĐỨC	4.600	3.700	2.800	3.800	3.100	2.300	3.000	2.400	1.800

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

SỐ TT	ĐỊA BÀN	GIÁ ĐẤT								
		Khu vực 1			Khu vực 2			Khu vực 3		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
16	ĐÔNG CỨU	6.400	5.200	3.900	5.700	4.600	3.500	4.000	3.200	2.400
17	GIA BÌNH	11.500	9.200	6.900	10.500	8.400	6.300	9.300	7.500	5.600
18	LƯƠNG TÀI	10.800	8.700	6.500	9.900	8.000	6.000	8.800	7.100	5.300
19	LÂM THAO	6.500	5.200	3.900	5.200	4.200	3.200	3.900	3.200	2.400
20	TRUNG CHÍNH	5.000	4.000	3.000	4.000	3.200	2.400	3.200	2.600	2.000
21	TRUNG KÊNH	8.100	6.500	4.900	6.500	5.200	3.900	4.800	3.900	2.900
22	ĐẠI SƠN	1.500	1.300	1.200	1.000	900	800	750	620	500
23	SƠN ĐỘNG	2.900	2.300	1.500	1.440	960	880	1.040	860	770
24	TÂY YÊN TỬ	2.900	2.300	1.900	1.740	960	880	1.040	860	770
25	DƯƠNG HỮU	1.500	1.300	1.200	1.000	900	800	750	620	500
26	YÊN ĐỊNH	1800	1400	1300	1150	1050	960	870	750	600
27	AN LẠC	1.500	1.300	1.200	1.000	900	800	750	620	500
28	VÂN SƠN	1.500	1.300	1.200	1.000	900	800	750	620	500
29	TUẦN ĐẠO	1800	1400	1300	1150	1050	960	870	750	600
30	BIỂN ĐỘNG	1800	1400	1300	1150	1050	960	870	750	600
31	LỤC NGẠN	1800	1400	1300	1150	1050	960	870	750	600
32	ĐÈO GIA	1.500	1.300	1.200	1.020	920	820	770	640	520

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>


SỐ TT		GIÁ ĐẤT								
		Khu vực 1			Khu vực 2			Khu vực 3		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
33	SƠN HẢI	1.500	1.300	1.200	1.020	920	820	770	640	520
34	TÂN SƠN	1.500	1.300	1.200	1.020	920	820	770	640	520
35	BIÊN SƠN	1.500	1.300	1.200	1.020	920	820	770	640	520
36	SA LÝ	1.500	1.300	1.200	1.020	920	820	770	640	520
37	NAM DƯƠNG	2.000	1.700	1.500	1.250	1.130	1.010	950	790	650
38	KIÊN LAO	2.000	1.700	1.500	1.250	1.130	1.010	950	790	650
39	LỤC SƠN	1.800	1.600	1.500	1.280	1.150	1.020	980	810	660
40	TRƯỜNG SƠN	1.800	1.600	1.500	1.280	1.150	1.020	980	810	660
41	CẨM LÝ	2.000	1.700	1.500	1.700	1.400	1.300	1.400	1.200	900
42	ĐÔNG PHÚ	2.000	1.700	1.500	1.700	1.400	1.300	1.400	1.200	900
43	NGHĨA PHƯƠNG	2.000	1.700	1.500	1.700	1.400	1.300	1.400	1.200	900
44	LỤC NAM	5.000	3.000	1.800	2.900	1.700	1.050	2.750	1.600	900
45	BẮC LŨNG	3.000	1.800	1.100	2.900	1.700	1.050	2.750	1.600	900
46	BẢO ĐÀI	2.000	1.700	1.500	1.700	1.400	1.300	1.400	1.200	1.100
47	LẠNG GIANG	3.800	2.300	1.400	3.600	2.200	1.300	3.500	2.100	1.200
48	MỸ THÁI	3.500	2.100	1.300	3.300	2.000	1.200	3.200	1.900	1.100
49	KÉP	3.500	2.100	1.300	3.300	2.000	1.200	3.200	1.900	1.100

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

SỐ TT	ĐỊA BÀN	GIÁ ĐẤT								
		Khu vực 1			Khu vực 2			Khu vực 3		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
50	TÂN DĨNH	3.500	2.100	1.300	3.300	2.000	1.200	3.200	1.900	1.100
51	TIÊN LỰC	3.500	2.100	1.300	3.300	2.000	1.200	3.200	1.900	1.100
52	NGỌC THIỆN	3.600	2.700	2.400	2.200	1.800	1.400	1.700	1.400	1.200
53	NHÃ NAM	3.400	2.600	2.300	2.100	1.700	1.300	1.600	1.300	1.100
54	PHÚC HOÀ	3.400	2.600	2.300	2.100	1.700	1.300	1.600	1.300	1.100
55	QUANG TRUNG	3.400	2.600	2.300	2.100	1.700	1.300	1.600	1.300	1.100
56	HỢP THỊNH	4.000	3.200	2.600	2.800	2.240	1.800	2.000	1.600	1.200
57	HIỆP HOÀ	4.000	3.200	2.600	2.800	2.200	1.800	2.000	1.600	1.200
58	HOÀNG VÂN	4.000	3.200	2.600	2.800	2.200	1.800	2.000	1.600	1.200
59	XUÂN CẨM	4.000	3.200	2.600	2.800	2.200	1.800	2.000	1.600	1.200
60	ĐÔNG VIỆT	4.500	2.700	1.600	3.900	2.300	1.350	3.300	1.980	1.200
61	TÂN YÊN	3.600	2.700	2.400	2.200	1.800	1.400	1.700	1.400	1.200
62	YÊN THẾ	2.900	2.300	1.900	1.800	1.000	880	1.100	800	720
63	BỐ HẠ	2.900	2.300	1.900	1.800	1.000	880	1.100	800	720
64	ĐÔNG KỶ	1.800	1.600	1.500	1.280	1.150	1.020	980	810	660
65	XUÂN LƯƠNG	1.800	1.600	1.500	1.280	1.150	1.020	980	810	660
66	TAM TIỀN	1.800	1.600	1.500	1.280	1.150	1.020	980	810	660